TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HĐ** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **110**/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 20/7/2023
Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HĐ, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lâm Nguyễn Thanh Huy;

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Kim Hoa;

Bà Hà Thị Kim Thu.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Thành Minh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện HĐ, tỉnh Kiên Giang

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện HĐ, tỉnh Kiên Giang không tham gia phiên tòa***.

Ngày 21 tháng 7 năm 2023, tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện HĐ, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 346/2023/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 6 năm 2023 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 126/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 7 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Bùi Thị Th, sinh năm: 1960. Địa chỉ: Số 1007/2/8 đường LQK, phường AH, thành phố RGi, tỉnh Kiên Giang (Có đơn xin vắng mặt).

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn G, sinh năm: 1956. Địa chỉ: Số 212, tổ 7, ấp PT, xã MP, huyện HĐ, tỉnh Kiên Giang (Có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Bùi Thị Th trình bày như sau:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Vào năm 1979, bà Bùi Thị Th và ông Nguyễn Văn G tìm hiểu và yêu thương, sau đó đi đến hôn nhân, được hai bên gia đình thống nhất tổ chức lễ cưới, do không am hiểu pháp luật, nên ông bà không có đăng ký kết hôn

theo quy định của pháp luật. Sau khi kết hôn, ông và bà về sinh sống tại tổ 7, ấp PT, xã MP, huyện HĐ, tỉnh Kiên Giang.

Thời gian đầu cuộc sống vợ chồng rất hạnh phúc. Đến giữa năm 1984, giữa bà và ông G thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, do ông G ngoại tình và hiện có con trai riêng, từ đó vợ chồng bất đồng quan điểm sống và bạo lực gia đình. Ông G đã yêu cầu bà vay tiền cho ông G đi thăm con riêng, bà không đi vay tiền thì ông G nhiều lần đánh đập bà gây thương tích, bà phải nhập viện Bệnh viện đa khoa tỉnh Kiên Giang một tuần để điều trị. Đỉnh điểm đầu tháng 03/2023, ông G dùng xăng khống chế bà lấy giấy tờ đất thổ cư và đất ruộng cho thuê và chiếm hết số tiền thuê đất trên. Vì các lý do trên, bà nhận thấy vợ chồng không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa, mục đích hôn nhân không đạt được, nên bà xin được ly hôn với ông Nguyễn Văn G.

- *Về quan hệ con chung*: Quá trình chung sống với nhau, bà và ông Giáp có năm con chung tên Nguyễn Thị Ph, sinh ngày 20/12/1980; Nguyễn Thị L, sinh ngày 20/01/1981; Nguyễn Thị L1, sinh ngày 22/12/1987; Nguyễn Thị H, sinh ngày 27/7/1989; Nguyễn Thị H1, sinh ngày 11/9/1995. Các con nay đã trưởng thành, nên bà không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

- *Về quan hệ tài sản chung:* Bà và ông G tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về nợ chung:* Bà và ông G không có nợ chung, nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Bị đơn ông Nguyễn Văn G trình bày tại bản tự khai ngày 27/6/2023 như sau:

Ông thống nhất với trình bày của bà Th về quan hệ hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung, nợ chung là đúng. Đối với nguyên nhân dẫn đến vợ chồng sống ly thân là do vợ chồng thường xuyên bất hòa, hay cãi nhau, bất đồng quan điểm sống, không cùng tiếng nói chung, nên dẫn đến mâu thuẫn trầm trọng. Do đó, đối với yêu cầu khởi kiện của bà Th, ông có ý kiến như sau:

Về hôn nhân: Ông G đồng ý với yêu cầu ly hôn của bà Th.

Về con chung: Ông và bà Th có năm con chung tên Nguyễn Thị Ph, sinh ngày 20/12/1980; Nguyễn Thị L, sinh ngày 20/01/1981; Nguyễn Thị L1, sinh ngày 22/12/1987; Nguyễn Thị H, sinh ngày 27/7/1989; Nguyễn Thị H1, sinh ngày 11/9/1995. Các con nay đã trưởng thành, nên ông không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

- *Về quan hệ tài sản chung:* Ông và bà Th tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Ông và bà Th không có nợ chung, nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên toà Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định như sau:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:* Theo nội dung đơn xin ly hôn bà Bùi Thị Th yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Văn G. Xét thấy đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình, bị đơn ông Nguyễn Văn G có nơi cư trú tại tổ 7, ấp PT, xã MP, huyện HĐ, tỉnh Kiên Giang, nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện HĐ, tỉnh Kiên Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] *Về thủ tục tố tụng:* Nguyên đơn bà Bùi Thị Th, bị đơn ông Nguyễn Văn G có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, HĐXX quyết định tiến hành xét xử trong trường hợp vắng mặt nguyên đơn và bị đơn tại phiên tòa.

[3] *Về nội dung vụ án:*

[3.1] *Về quan hệ hôn nhân:* Theo các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời khai của đương sự trong quá trình giải quyết vụ án; HĐXX có cơ sở xác định: Bà Bùi Thị Th và ông Nguyễn Văn G tìm hiểu và yêu thương, sau đó đi đến hôn nhân, được hai bên gia đình thống nhất tổ chức lễ cưới và chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1979. Mặc dù ông bà không đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân có thẩm quyền, tuy nhiên căn cứ vào mục 1 Thông tư liên tịch số 01/2001/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 03/01/2001 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội "Về việc thi hành Luật hôn nhân và gia đình", thì quan hệ hôn nhân giữa bà Th và ông G được coi là hôn nhân thực tế và vẫn được pháp luật công nhận là vợ chồng theo quy định của Luật Hôn nhân gia đình, ông bà đều có các quyền và nghĩa vụ giữa vợ chồng. Do trong thời kỳ hôn nhân ông bà phát sinh mâu thuẫn, bất hòa trong cuộc sống chung, dẫn đến việc hai bên sống ly thân từ cuối tháng 3/2023 cho đến nay, không còn tình cảm và không quan tâm đến cuộc sống của nhau.

Xét yêu cầu của bà Th về việc xin ly hôn với ông G thấy rằng: Trong quá trình chung sống giữa bà Th và ông G có phát sinh mâu thuẫn, mà theo trình bày của bà Th và ông G tại bản tự khai là do bất đồng về quan điểm sống, không cùng tiến nói chung, nên dẫn đến việc vợ chồng thường xuyên cự cãi nhau, làm cho cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, nhiều lần ông G hành hung bà Thái, từ đó bà Th đã sống ly thân với ông G từ cuối tháng 03/2023 cho đến nay. Bà Th xác định trong thời gian bà và ông G sống ly thân với nhau, thì giữa bà và ông G không còn quan tâm, chăm sóc nhau nữa, cũng không thực hiện quyền và nghĩa vụ chung của vợ chồng.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án tiến hành giải thích pháp luật và động viên bà Th đoàn tụ gia đình, nhưng bà Th vẫn kiên quyết ly hôn với ông G. Đồng thời, ông G cũng có ý kiến đồng ý ly hôn với bà Th.

Từ đó thấy được mối quan hệ hôn nhân giữa bà Th và ông G đã đến mức trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài và mục đích hôn nhân không đạt được, nên việc bà Th yêu cầu được ly hôn với ông G là có cơ sở. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, HĐXX chấp nhận cho bà Bùi Thị Th được ly hôn với ông Nguyễn Văn G.

[3.2] *Về quan hệ con chung:* Bà Th và ông G có năm con chung tên Nguyễn Thị Ph, sinh ngày 20/12/1980; Nguyễn Thị L, sinh ngày 20/01/1981; Nguyễn Thị L1, sinh ngày 22/12/1987; Nguyễn Thị H, sinh ngày 27/7/1989; Nguyễn Thị H1, sinh ngày 11/9/1995. Các con nay đã trưởng thành, nên không yêu cầu HĐXX xem xét, giải quyết. Do đó, HĐXX miễn xét.

[3.3] *Về quan hệ tài sản chung:* Bà Th và ông G tự thỏa thuận, không yêu cầu HĐXX xem xét, giải quyết, nên HĐXX miễn xét.

Về nợ chung: Bà Th và ông G xác nhận không có nợ chung, nên HĐXX không xem xét, giải quyết.

[4] *Về án phí:* Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, thì bà Bùi Thị Th phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 266, Điều 273 và Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Bùi Thị Th được ly hôn với ông Nguyễn Văn G.

2. Về quan hệ con chung: Các con đã trưởng thành, nên các đương sự không yêu cầu xem xét. Do đó, Hội đồng xét xử không xét.

3. Về quan hệ tài sản chung: Bà Bùi Thị Th và ông Nguyễn Văn G thống nhất tự thỏa thuận với nhau, không yêu Hội đồng xét xử giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về nợ chung: Bà Bùi Thị Th và ông Nguyễn Văn G thống nhất không có nợ chung, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Buộc bà Bùi Thị Th phải nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng),* nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà bà Th đã nộp là 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009919 ngày 07 tháng 6 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang (Do Nguyễn Thị Ph nộp thay). Bà Th không phải nộp thêm.

5. Quyền kháng cáo: Báo cho các đương sự có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc kể từ ngày Bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

6. Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện HĐ;
- THADS huyện HĐ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(Đã ký và đóng dấu)

Lâm Nguyễn Thanh Huy